

**TUẦN 5**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**  
**SINH HOẠT DƯỚI CỜ TOÀN TRƯỜNG**

---

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em (tiết 14)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thông qua hoạt động:
- + Giới thiệu được về bản thân ở một thời điểm trong quá khứ qua hình ảnh được lưu giữ.
- + HS nhận diện được sự thay đổi của bản thân (về ngoại hình, sở thích, ước mơ, tính cách...) ở thời điểm hiện tại so với trước đây.
- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- File bài giảng

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC****1. Hoạt động khởi động (3 – 5')**

- GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi ***Em của năm học đã qua.***
- GV phổ biến luật chơi: *Giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ các thành viên trong nhóm quan sát và nêu ngoại hình và sở thích của bạn trong nhóm trong năm học cũ.*
- GV lấy ví dụ để HS hiểu rõ luật chơi:
  - + *Bạn A của năm học cũ để tóc dài, thích chơi cầu lông.*
  - + *Bạn B của năm học cũ cắt tóc ngắn, thích chơi đá bóng...*
- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ: *Sau khi chơi xong, em đã thấy được những đặc điểm nổi bật gì của bản thân trong năm học cũ?*
- GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Trò chơi giúp em nhận biết được những đặc*

điểm của bản thân trong năm học cũ. Những đặc điểm đó có thể thay đổi với mỗi cá nhân, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – **Tuần 5 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Chúng mình đã lớn.**

## **2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')**

### **Hoạt động 1: Cùng chơi Đố bạn**

#### **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:

- Giới thiệu được về bản thân ở một thời điểm trong quá khứ qua hình ảnh được lưu giữ.
- Thể hiện và trải nghiệm các cảm xúc tích cực khi tham gia trò chơi.

#### **b. Cách tiến hành:**

- GV giới thiệu cả lớp cùng tham gia trò chơi *Đố bạn*.
- GV phổ biến cách chơi:
  - + HS chơi theo nhóm.
  - + Từng thành viên trong nhóm lấy ngẫu nhiên một bức ảnh đã chuẩn bị và đố các bạn biết bức ảnh chụp hình vào thời điểm nào.
  - + Các bạn trong nhóm cùng đoán thời điểm chụp bức ảnh.
  - + Chủ nhân của bức ảnh sẽ giới thiệu với các bạn về những kỉ niệm khi chụp bức ảnh đó.
- GV tổ chức cho các nhóm tham gia chơi *Đố bạn*.
- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia trò chơi.
- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.
- GV kết luận: *Mỗi người đều lớn dần theo năm tháng và mỗi thời điểm sẽ có những kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ. Các bức ảnh chụp trong từng thời điểm có thể giúp chúng ta lưu giữ, nhớ đến bản thân trong những khoảnh khắc hoặc kỉ niệm quý giá có liên quan.*



### **Hoạt động 2: Nhận diện những thay đổi của bản thân**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận diện được sự thay đổi của bản thân (về ngoại hình, sở thích, ước mơ, tính cách...) ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

#### **b. Cách tiến hành:**

**Nhiệm vụ 1: Mô tả sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.**

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân mô tả sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây về:
  - + Ngoại hình: chiều cao, cân nặng, vóc dáng...

- + Sở thích.
- + Ước mơ.
- + Tính cách.
- + Năng lực tham gia tổ chức các hoạt động.
- GV hướng dẫn HS ghi lại ra giấy sự thay đổi của bản thân.
- GV khuyến khích HS trình bày bằng cách liệt kê các gạch đầu dòng hoặc sơ đồ tư duy.

### **Nhiệm vụ 2: Chia sẻ về ý nghĩa của các truyền thống nhà trường**

- GV mời một số HS trình bày sự thay đổi của bản thân trước lớp và chia sẻ cảm xúc về sự thay đổi của thân.
- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.



### **3. Hoạt động: Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

#### **Trò chơi đổ bọ!**

Câu 1: Những dấu hiệu về sự lớn lên về thể chất dễ thấy nhất là gì?

- A. Cân nặng, tác phong.
- B. Chiều cao, khuôn mặt
- C. Chiều cao, cân nặng.
- D. Tác phong, khuôn mặt.

Câu 2: Đây là tính từ miêu tả sự thay đổi về dáng vẻ bên ngoài?

- A. Chững chạc.
- B. Khôn khéo.
- C. Chăm chỉ.
- D. Tỉ mỉ.

Câu 3: Theo em, trưởng thành là gì?

- A. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức và hành động
- B. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ.
- C. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy

nghĩ và hành động

D. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong suy nghĩ và hành động.

Câu 4: Khi so sánh số đo chiều cao và cân nặng của bản thân qua các năm, em thấy điều gì?

A. Bản thân có sự thay đổi về mặt thể chất.

B. Bản thân có sự thay đổi về mặt nhận thức.

C. Bản thân có sự thay đổi về tâm lí.

D. Bản thân có sự thay đổi về góc nhìn.

Câu 5: Điều không phải yếu tố thay đổi của cá nhân theo thời gian?

A. Sở thích.

B. Xuất thân.

C. Ước mơ.

D. Ngoại hình.

- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	A	C	A	B

- Nhận xét, củng cố sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

### HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**Sinh hoạt lớp: Kịch ứng tác Em của ngày hôm qua (tiết 15)**

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chơi hăng hái tham gia sinh hoạt tập thể tại lớp.

- HS tham gia sinh hoạt lớp đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần 4 tháng 9.

- Nắm được kế hoạch tuần 5 tháng 9.

- Thông qua hoạt động, HS tự tin tham gia đóng kịch ứng tác thể hiện được những sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh ảnh, tư liệu tuần học vừa qua.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**1. Hoạt động khởi động (3 - 5')**

- GV mở bài hát “Trường em” để khởi động bài học.
- + GV cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

**2. Luyện tập, thực hành (20 - 25')****\* Hoạt động 1: Sơ kết hoạt động trong tuần.**

- GV nhận xét chung về tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
  - Ưu điểm:
    - Các em đi học đầy đủ, đúng giờ.
    - Vệ sinh cá nhân, trường lớp sạch sẽ.
    - Làm bài tập về nhà đầy đủ....
  - Nhược điểm:
    - Tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:
      - + Vẫn còn tồn tại việc nói chuyện riêng trong giờ học.
      - + Còn có những học sinh về nhà chưa làm bài tập.
      - + Có nhiều học sinh chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp....

**\* Hoạt động 2: Xếp loại thi đua trong tuần.**

- Các tổ tự bình xét thi đua trong tuần dưới sự điều khiển của tổ trưởng.

**\*Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 2 Tháng 8**

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia chương trình lớp học xanh.
- Tham gia tích cực trang trí lớp chào đón chuẩn bị năm học mới.

- **Sinh hoạt theo chủ đề:**

**Hoạt động 2: Kịch ứng tác Em của ngày hôm qua**

**a. Mục tiêu:** HS tự tin tham gia đóng kịch ứng tác thể hiện được những sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

**b. Cách tiến hành****Nhiệm vụ 1: Tham gia đóng kịch ứng tác**

- GV tổ chức hoạt động và giới thiệu kịch ứng tác:
  - + *Kịch ứng tác là loại kịch không có sẵn kịch bản.*
  - + *Các nhân vật sẽ tự sáng tạo lời thoại và làm chủ diễn biến của vở kịch.*



- GV hướng dẫn HS đóng kịch ứng tác theo các nhóm sau:
- + Một bạn nói lời dẫn mở màn kịch.
- + Các bạn trong nhóm sáng tạo nội dung và lời thoại theo diễn biến của vở kịch.
- GV tổ chức cho HS đóng kịch ứng tác có nội dung về những thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

### ***Nhiệm vụ 2. Nhận xét vở kịch và khả năng đóng vai***

- GV mời một số HS nhận xét về nội dung vở kịch và khả năng đóng vai của các bạn.
- GV đặt câu hỏi tương tác cho HS:
- + Em có cảm nhận gì sau khi xem các bạn đóng kịch?
- + Em thích phần kịch ứng tác của nhóm nào nhất? Vì sao?
- GV nhận xét và tổng kết hoạt động.
- Dặn dò về nhà.

## **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

## **CÔNG NGHỆ**

### **Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (TIẾT 5)**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Năng lực công nghệ: Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

#### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- File bài giảng.

#### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

##### **1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)**

- GV tổ chức cho HS khởi động thông qua trả lời một số câu hỏi sau:

+ Hôm trước các em học bài gì?

+ Chia sẻ hiểu biết của mình về các nhà sáng chế mà em biết?

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

- GV gọi 1 - 2 HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, góp ý.

- GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt vào bài mới.

## 2. Hoạt động Khám phá và hình thành kiến thức (8 – 10')

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi: quan sát trục thời gian và thực hiện nhiệm vụ tương ứng trong sách vào phiếu.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương.

+ Ai là người sáng chế động cơ hơi nước?

+ Ai là người sáng chế ra điện thoại?

+ Ai là người sáng chế bóng đèn sợi đốt?

+ Ai là người sáng chế ô tô?

- **Hãy kể tóm tắt những điều em biết về người đã sáng chế ra các sáng chế đó?**

- GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu thêm về lịch sử sáng chế một số sáng chế như: Máy bay (1906), động cơ điện (1828),...

## 3. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- HS hoạt động nhóm 6 vào giấy A3

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.



- GV nhận xét, tuyên dương

**Kết luận:** Trong lịch sử có một số sáng chế tiêu biểu, góp phần thay đổi xã hội

*loài người với các sáng chế của họ. Có thể kể đến như Giêm Oát với động cơ hơi nước (1784), A-lếch-xan-dơ Gra-ham Beo với điện thoại (1876), To-mát Ê-di-xơn với bóng đèn sợi đốt (1879), Các Ben vừi ô tô (1886),...*

### **3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

- GV giao nhiệm vụ HS về nhà sưu tầm tranh ảnh hoặc tìm trên internet, truyện, sách báo về lịch sử sáng chế ra các sản phẩm công nghệ
- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.

## **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

### **ĐẠO ĐỨC**

#### **CHỦ ĐỀ: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC**

#### **BÀI 2: EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (Tiết 5)**

### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc) của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.
- Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc

### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: File bài giảng

### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

#### **1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV chuẩn bị một số phiếu ghi thông tin (khoảng 4 phiếu), mỗi phiếu ghi tên 1 HS trong lớp.



- GV chọn một số HS có những điểm khác biệt đặc trưng so với các bạn khác về đặc điểm ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...
- GV mời 2 HS tham gia (1 nam, 1 nữ), mỗi em bốc 1 phiếu và mô tả đặc điểm của bạn có tên trong phiếu.
- GV mời các bạn còn lại đoán tên của “người bí ẩn” trong phiếu.
- GV nêu câu hỏi cho cả lớp: *Vì sao các em tìm được người bí ẩn trong trò chơi này?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)
- GV dẫn dắt HS vào bài học

## 2. Hoạt động Hình thành kiến thức (23-25')

### Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa SGK tr.12.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
  - + *Bạn nào trong tranh thể hiện tôn trọng sự khác biệt?*
  - + *Em hãy nêu biểu hiện sự tôn trọng sự khác biệt trong các tranh trên.*
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 – 6 HS để thảo luận, trao đổi, thống nhất câu trả lời theo mẫu sau:

Tranh	Nhân vật thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt	Biểu hiện sự tôn trọng sự khác biệt
1	...	...
2	...	...
3	...	...

- GV mời đại diện 3 – 4 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án tham khảo:

Tranh	Nhân vật thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt	Biểu hiện sự tôn trọng sự khác biệt
1	Bạn nữ	Khen chiếc váy của bạn người dân tộc.
2	Bạn nữ	Đề cao sở thích tốt của bạn – đọc sách.

	tóc ngắn	
3	Bạn nữ	Khuyên bạn nam không được trêu bạn vì bạn nói lắp.
4	Bạn nữ đeo cặp sách màu xanh	Giải thích lí do bạn về sớm để các bạn khác hiểu, tôn trọng quyết định của bạn.
5	Bạn nữ buộc tóc cam	Chủ động hỗ trợ và hòa đồng với bạn mới.
6	Hai bạn nữ	Thái độ không hài lòng với những lời chế giễu và an ủi bạn mình.

- GV yêu cầu HS: *Em hãy kể thêm một số biểu hiện thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt với mọi người xung quanh.*

- GV mời HS giơ tay phát biểu. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét và chốt đáp án:

+ *Hòa đồng, thân thiện với mọi người xung quanh.*

+ *Lắng nghe, thấu hiểu về mặt cảm xúc của người xung quanh.,*

+ *Thể hiện sự nhiệt tình và hỗ trợ mọi người khi cần.*

+ *Chủ động mời mọi người tham gia các hoạt động có tính gắn kết, chia sẻ.*

+ *Không có thái độ miệt thị, cô lập, đánh giá chủ quan về những điểm khác biệt của mọi người.*

+ *Không có lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng về điểm khác biệt của mọi người....*

- GV cho HS xem đoạn video về sự tôn trọng sự khác biệt của người khác.

<https://youtu.be/XXv006Pxrc>

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và yêu cầu trả lời câu hỏi:

+ *Bạn nhỏ trong câu chuyện có thái độ như thế nào đối với em bé ngoại quốc?*

+ *Bạn nhỏ đã có những lời nói, hành vi gì?*

+ *Bạn nhỏ đã nhận ra điều gì sau câu chuyện?*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, chốt đáp án:

+ *Bạn nhỏ có thái độ xa lánh, không thân thiện với em bé ngoại quốc vì em bé ngoại*

quốc có những đặc điểm khác biệt về ngoại hình, ngôn ngữ, phong tục với bạn.

+ Bạn nhỏ có những lời nói thiếu tôn trọng đối với sự khác biệt của em bé ngoại quốc: “Trông nó thật kì quái” và hành động đẩy ngã em bé.

+ Bạn nhỏ đã nhận ra bản thân cần tôn trọng những điểm khác biệt của người xung quanh, cần có thái độ, hành vi và lời nói phù hợp với mọi người.

### 3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS: *Hãy kể về một lần em không được người khác tôn trọng sự khác biệt. Khi đó, em cảm thấy như thế nào? Em hãy rút ra bài học từ câu chuyện của bản thân.*

- GV gợi ý cho HS một số hình thức thể hiện:

+ *Tình huống đó xảy ra vào lúc nào, khi nào?*

+ *Tình huống xảy ra thế nào?*

+ *Em xử lý tình huống như thế nào?*

+ *Em rút ra bài học gì cho bản thân?*

- GV mời một số HS trình bày. HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS

- GV nhận xét tiết học.

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

## KHOA HỌC

### Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ.

#### SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (TIẾT 9)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:

- Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

#### 1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi “Ai tinh mắt”.

+ + GV đưa ra bảng ô chữ chủ đề Chất, yêu cầu HS tìm ra các từ có nghĩa trong bảng.

+ Ai có câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng.

T	R	A	N	G	T	H	A	I
H	Ã	T	L	O	N	G	N	K
A	N	C	O	K	H	I	T	T
S	Ư	B	I	Ê	N	Đ	Ô	I

- GV nhận xét, khen ngợi HS tham gia trò chơi.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Sự biến đổi trạng thái của chất là gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở bài học ngày hôm nay: “Bài 4 – Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất – Tiết 2”.*

#### 2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức ( 8 – 10’)

##### 2.1. Sự biến đổi trạng thái của nến.

- HS tiến hành làm thí nghiệm, thảo luận nhóm 4:

GV lưu ý: Cần thận khi làm thí nghiệm với lửa, không chạm tay vào vật nóng.

- Quan sát và nhận xét sự biến đổi trạng thái của nến vụn dưới tác dụng của nhiệt?

- Khi tắt nến, để nguội bát sứ thì trạng thái của nến như thế nào?



- GV nhận xét các nhóm.

- Nến chuyển từ trạng thái rắn (hình 8a) sang trạng thái lỏng (hình 8b) khi được đun nóng. Khi bát sứ nguội dần, nến từ trạng thái lỏng chuyển về trạng thái rắn (hình 8c).

**2.2. Sự biến đổi trạng thái của cồn.**

- HS nhắc lại sự bay hơi của nước đã học ở lớp 4.
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 đọc thông tin và mô tả sự biến đổi của cồn trong quá trình sử dụng vào phiếu học tập.
- GV nhận xét các nhóm, kết luận.

**2.3. Sự biến đổi trạng thái của chất trong cuộc sống hằng ngày**

- GV tổ chức trò chơi “Nhà Khoa học nhí”
- Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ được phát một tờ giấy trắng.
- Trong thời gian 3 phút, các nhóm sẽ thi nhau viết vào phiếu các chất ở ba thể khác nhau hoặc tên các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.
- GV nhận xét, tuyên dương.

**3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')**

- Chiếu lên thành phần của nước rửa tay (được làm chủ yếu từ cồn)
- Vì sao người ta sử dụng cồn là thành phần chính trong nước rửa tay khô?
- GV cho HS quan sát tranh kết hợp đọc thông tin SGK.
- Vì sao trong tương lai gấu Bắc Cực có thể không còn nơi để sinh sống?
- GV nhận xét.



Hình 10

- GV hướng dẫn HS làm bài tập 4, 5, 6 trang 15, 16 VBT và kết hợp chấm chữa bài.

**3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

- GV mời HS chia sẻ về cách em có thể làm để bảo vệ môi trường, hạn chế làm Trái Đất nóng lên, bảo vệ môi trường sống của gấu Bắc Cực.
- GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

---

**KHOA HỌC****CHỦ ĐỀ 1: CHẤT****Bài 4: SỰ BIẾN ĐỔI HÓA HỌC CỦA CHẤT (TIẾT 9)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Xác định được biến đổi hóa học là biến đổi chất và các dấu hiệu của sự biến đổi hóa học (thường thể hiện qua sự thay đổi về màu sắc, mùi, vị,...)
- Trình bày được một số ví dụ đơn giản gắn gũi với cuộc sống về biến đổi hóa học ( ví dụ: Giấy cháy, than cháy,...)
- Rèn luyện kỹ năng làm thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm thực hành, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

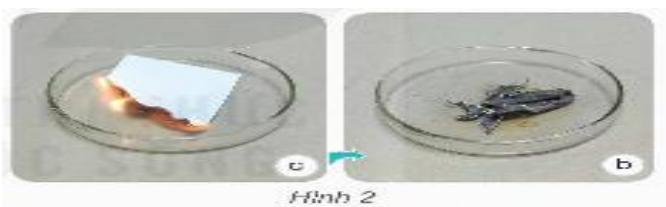
- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU****1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)**

- Giáo viên cho HS xem video cách làm bánh flan ca-ra-men (<https://www.youtube.com/watch?v=aV33vcmMQCg>)
- Giới thiệu bài: Để tạo hương vị Cho bánh kẹo như bánh flan, người ta thường thêm ca-ra-men. Dù được nấu từ đường có màu trắng và vị ngọt nhưng caramen lại có màu nâu, vị đắng và ngọt dịu. vậy biến đổi nào đã xảy ra thì chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay, Bài 5: Sự biến đổi hóa học của chất.

**2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức ( 20 – 25’)****2.1. Sự biến đổi hóa học của giấy**

- Yêu cầu HS quan sát hình 2 SGK và thảo luận nhóm 4 điền vào phiếu học tập câu hỏi:



Quan sát tờ giấy	Trước Khi đốt	Sau Khi đốt
Màu sắc		
Hình dạng		

- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả

*Giáo viên nhận xét, kết luận: Ban đầu giấy có màu trắng, hình chữ nhật sau khi bị đốt cháy giấy có màu đen, không có hình dạng xác định. chứng tỏ biến đổi hóa học đã xảy ra dưới tác dụng của nhiệt.*

Hỏi:

- Biến đổi hóa học xảy ra khi nào?
- Có thể nhận biết sự biến đổi hóa học nhờ vào đâu?

*Chốt: Biến đổi hóa học xảy ra khi có sự tạo thành chất mới. Người ta có thể nhận ra sự biến đổi này nhờ vào sự thay đổi tính chất của chất (ví dụ như: màu sắc, mùi vị, tính tan,...)*

## 2.2. Sự biến đổi hóa học của đường

### a. Đặc điểm cơ bản của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm 6: Yêu cầu các nhóm tìm hiểu nội dung và thực hiện thí nghiệm theo cách tiến hành như hình 3 trong sách giáo khoa (lưu ý HS cẩn thận khi làm thí nghiệm với lửa, không chạm tay vào vật nóng.)



- Nhận xét sự biến đổi màu của đường dưới tác dụng của nhiệt?
- Nếu tiếp tục đun thì hiện tượng gì sẽ xảy ra?
- Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả

**\*GV kết luận: Sự biến đổi của đường khi bị đun nóng là biến đổi hóa học.**

### 3.2. Sự biến đổi hóa học của than

Yêu cầu HS làm việc cá nhân: Quan sát hình 4 và trả lời câu hỏi:



Hình 4. Than củi trước và sau khi cháy một thời gian

- Sự biến đổi nào đã xảy ra? Vì sao?
- Gọi HS khác nhận xét
- GV nhận xét, tuyên dương.

*GV nhận xét, tuyên dương và chốt: Sự biến đổi hóa học xảy ra khi đốt than thành tro.*

### 4. Nhận biết sự biến đổi hóa học trong thực tế

- Yêu cầu HS quan sát hình 5 và thảo luận cặp đôi
- Gọi các nhóm trình bày và nhận xét



*Giáo viên kết luận, khen nhóm trả lời đúng*

### 4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm ( 3 – 5')

- + Yêu cầu kể tên các ví dụ về sự biến đổi hóa học trong thực tế
- + Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt tổng thời gian 2 phút.
- + Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm



nào nhiều đáp án đúng nhất nhóm đó thắng cuộc.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

### TOÁN

#### Bài 10: KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 21)

##### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.
- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

##### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

###### 1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: **Số?**  $564\text{m} = \dots \text{km}$

+ Câu 2: **Số?**  $4,6\text{kg} = \dots \text{g}$

+ Câu 3: **Số?**  $132 \text{ mm} = \dots \text{cm}$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

###### 2. Hoạt động Khám phá và hình thành kiến thức ( 8 – 10’)

- GV cho HS quan sát phần a, nêu các câu hỏi:

GV:

2 (hai đơn vị)

$\frac{3}{10}$  (ba phần mười)       $\frac{8}{100}$  (tám phần một trăm)

Số gồm 2 đơn vị, 3 phần mười, 8 phần trăm.  
Viết là: 2,38. Đọc là: Hai phẩy ba mươi tám.

- + Có mấy hình vuông (mỗi hình có 100 ô nhỏ) màu xanh?
- + Hình vuông tiếp theo có mấy cột, mấy cột được tô màu cam?
- + Hình vuông cuối cùng có bao nhiêu ô vuông nhỏ, mấy ô được tô màu cam?

GV chốt: Số gồm 2 đơn vị, 3 phần mười, 8 phần trăm viết là 2,38; đọc là Hai phẩy ba mươi tám.

- GV cho HS quan sát phần b, nghe GV giới thiệu:

b)

Hàng									
Trăm	Chục	Đơn vị		Phần mười		Phần trăm			Phần nghìn
100	10	1 1		$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{1\,000}$
100	10	1 1		$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{1\,000}$
100		1		$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{10}$				
3	2	5	,	4		3			1

Số gồm 3 trăm, 2 chục, 5 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 1 phần nghìn.  
Viết là: 325,431. Đọc là: Ba trăm hai mươi lăm phẩy bốn trăm ba mươi một.

- Số gồm 3 trăm, 2 chục, 5 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 1 phần nghìn viết là 325,431; đọc là: Ba trăm hai mươi lăm phẩy bốn trăm ba mươi một
- GV cho HS viết vào bảng và đọc.
- GV hướng dẫn: Trong số 325,431 thì phần trước dấu phẩy gọi là phần nguyên phần sau dấu phẩy gọi là phần thập phân; sát bên dấu phẩy gọi là hàng phần mười, kế hàng phần mười là hàng phần trăm, kế hàng phần trăm là hàng phần nghìn.
- GV cho HS nêu lại phần nguyên, phần thập phân, hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn.
- Cho HS nêu cách viết, đọc số thập phân?

- GV nhận xét, chốt quy tắc:

+ **Muốn viết một số thập phân, trước hết viết phần nguyên, viết dấu phẩy, sau đó viết phần thập phân.**

+ **Muốn đọc một số thập phân, trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu phẩy, sau đó đọc phần thập phân.**

### 3. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 36/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

#### Bài 1.

- HS làm việc cá nhân.
- HS báo cáo kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

#### Bài 2.

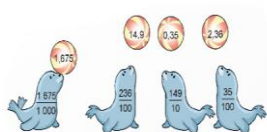
- HS làm bài tập cá nhân vào vở.
- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

### 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

Chọn số thập phân thích hợp với mỗi phân số thập phân (theo mẫu).

Mẫu:  $\frac{1675}{1000} = 1\frac{675}{1000} = 1,675$



- Cách chơi: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 4 HS. GV hô bắt đầu thì HS trong nhóm chạy lên bảng nối. Nhóm nào làm đúng và nhanh nhất là đội chiến thắng. Thời gian chơi từ 2-3 phút.

- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)****TOÁN****Bài 10: KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 21)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.
- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- File bài giảng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU****1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)**

- GV tổ chức trò chơi “Đố nhau” để khởi động bài học.

Luật chơi: Một HS nêu một số thập phân sau đó được chọn một HS khác nêu phần nguyên, phần thập phân, các hàng trong số thập phân. Sau đó bạn lại nêu một số thập phân khác và chọn một HS để trả lời. Làm tương tự trong thời gian 3 phút

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới

**2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)**

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 37/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

**Bài 1.**

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm việc cá nhân đọc và trả lời nhanh

- HS trả lời.
- GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 2.**

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV hướng dẫn HS: Nhân cả tử số và mẫu số của phân số đã cho với cùng một số tự nhiên để được phân số có mẫu số là 100; 1000; ...
- HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.
- Đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 3.**

- Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- HS trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

**3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')****Bài 4.**

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài.
- Lớp suy nghĩ và thảo luận theo nhóm 4.
- GV mời đại diện nhóm trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- Dặn dò bài về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

---

**TOÁN****Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 22)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được cách so sánh và so sánh được các số thập phân.
- HS vận dụng được việc nhận biết được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

### 1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

Chuyển phân số thập phân thành số thập phân rồi đọc số thập phân đó.

+ Câu a:  $\frac{28}{10}$

+ Câu b:  $\frac{412}{100} =$

+ Câu 3:  $\frac{6}{1000}$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

### 2. Hoạt động khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

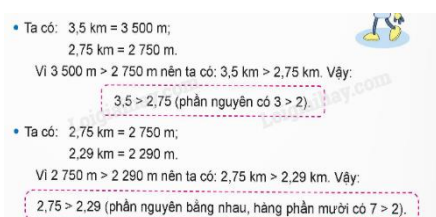
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:
- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh ba cây cầu, cho biết những gì thấy được.

+ Bạn nữ nói gì?

+ Rô – bốt nói gì?

GV chốt, giới thiệu bài: Vậy, để so sánh hai số thập phân, ta làm như thế nào? Bài học hôm nay, Chúng ta sẽ tìm hiểu cách so sánh các số thập phân “**Bài 11: So sánh các số thập phân**”.

- GV cho HS nêu cách so sánh.
- GV hướng dẫn cho HS nắm cách so sánh.



• Ta có: 3,5 km = 3 500 m;  
2,75 km = 2 750 m.  
Vì 3 500 m > 2 750 m nên ta có: 3,5 km > 2,75 km. Vậy:  
3,5 > 2,75 (phần nguyên có 3 > 2).

• Ta có: 2,75 km = 2 750 m;  
2,29 km = 2 290 m.  
Vì 2 750 m > 2 290 m nên ta có: 2,75 km > 2,29 km. Vậy:  
2,75 > 2,29 (phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười có 7 > 2).

- GV cho HS nêu lại cách so sánh hai số thập phân.
- GV nhận xét, chốt quy tắc:

**Muốn so sánh hai số thập phân, ta có thể làm như sau:**

- + Nếu phần nguyên của hai số đó khác nhau thì số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- + Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn,... đến một hàng nào đó, số thập phân có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- + Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số thập phân bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

### 3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 39/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

#### Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS làm việc cá nhân.
- HS báo cáo kết quả và nêu cách làm.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương.

#### Bài 2.

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài tập cá nhân vào vở.
- HS nêu cách thực hiện.
- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

### 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Trong ba chiếc cân như hình dưới đây, có một chiếc cân bị sai. Cân bị sai đó ở hình nào?



A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

- HS trả lời, nêu cách làm.
- HS nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

## TOÁN

### Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 23)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS nhận biết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân và vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC



- File bài giảng.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

#### 1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

#### So sánh hai số thập phân

a) 53,29 và 53,92                      b) 47,74 và 39,75

c) 25,219 và 25,219

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

#### 2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 40, 41/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

##### Bài 1.

a) Số thập phân bằng nhau

- HS tìm hiểu về số thập phân bằng nhau theo gợi ý a.

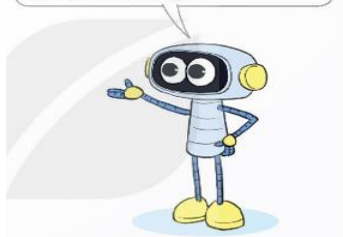
Ta có:  $\frac{7}{10} = 0,7$ ;  $\frac{70}{100} = 0,70$

$$\frac{7}{10} = \frac{70}{100}$$

$$0,7 = 0,70 \text{ hoặc } 0,70 = 0,7$$

Vậy

Nếu viết thêm (hoặc bỏ) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.



- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nói cho chính xác

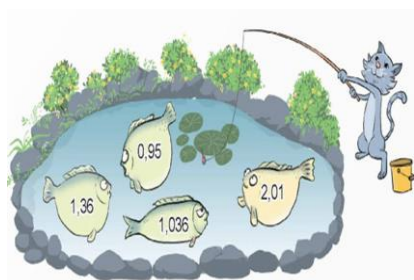
##### Bài 2.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV hướng dẫn HS: Nếu viết thêm (hoặc bỏ) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.
- HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.
- Đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 3.**

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- HS việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- GV cho HS nêu cách làm.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

**3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

Con cá mà chú mèo câu được ghi số nào?

- A. 1, 036              C. 1,36  
B. 0,95                D. 2,01

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS trả lời, nêu cách làm.
- HS nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

---

**TOÁN****Bài 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 25)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân.
- HS vận dụng được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- File bài giảng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU****1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp gọn”.
- + Cách chơi: GV nêu câu hỏi, HS chú ý lắng nghe, suy nghĩ và trả lời ngắn gọn. HS nào trả lời được đúng nhiều câu hỏi hơn, HS đó chiến thắng.
- + Em hãy nhắc lại các đại lượng đo độ dài đã học.
- + Em hãy nhắc lại các đại lượng đo khối lượng đã học.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (10 – 15’)**

- GV chiếu hình ảnh Khởi động cho HS quan sát, đọc bóng nói và trả lời câu hỏi sau:



- GV nêu câu hỏi:

+ Bạn nữ nói gì?

+ Bạn nam nói gì?

+ Để biết con ốc sên phải đi đoạn đường dài bao nhiêu mét, ta làm như thế nào?

+ Để biết mỗi hộp sữa nặng bao nhiêu ki – lô – gam, ta phải làm như thế nào?

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Bài học hôm nay, cô trò mình sẽ tìm hiểu cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân “Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân”.

### Ví dụ 1:

•  $2\text{ m } 15\text{ cm} = ?\text{ m}$

- GV cho HS nêu cách làm.

- GV hướng dẫn cách ngắn gọn dễ hiểu.

2m ta giữ nguyên

$$15\text{cm} = \frac{15}{100}\text{m}$$

Nên  $2\text{ m } 15\text{ cm} = 2 + \frac{15}{100}\text{m} = 2,15\text{m}$ . Vậy  $2\text{ m } 15\text{ cm} = 2,15\text{ m}$

•  $1\text{ kg } 250\text{ g} = ?\text{ kg}$

$$1\text{ kg } 250\text{ g} = 1 + \frac{250}{1000}\text{kg} = 1,250\text{kg}$$

$$1,250\text{ kg} = 1,25\text{ kg}$$

Vậy  $1,250 \text{ kg} = 1,25 \text{ kg}$

## 2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 43/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

### Bài 1.

- HS làm việc cá nhân.
- HS báo cáo kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

### Bài 2.

- HS thảo luận nhóm đôi.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

## 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Tìm số thập phân thích hợp.

$$1 \text{ km } 75 \text{ m} = \boxed{?} \text{ km}$$

b) Đ, S?

Đoạn đường nào dài hơn?

- Đoạn đường AB  $\boxed{?}$
- Đoạn đường AC  $\boxed{?}$



- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS trả lời, nêu cách làm.
- HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

### TOÁN CÙNG CỘ

#### LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 10, 11)

##### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập và củng cố cách đọc, viết các số tự nhiên; phân số; hỗn số.
  - Ôn tập và củng cố các phép tính các số tự nhiên; phân số.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống thực tế

##### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT.

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

###### 1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)

- GV kiểm tra kiến thức học sinh qua bài tập sau:

*Câu nào đúng? Câu nào sai?*

a) Kết quả của phép tính  $\frac{5}{12} + \frac{1}{5}$  là  $\frac{37}{60}$ .

b) Viết phân số thập phân  $\frac{97}{10}$  thành hỗn số, ta được  $7\frac{9}{10}$ .

c) Hình bình hành ABCD có hai cặp cạnh vuông góc với nhau.

d) Diện tích lớp học hình chữ nhật có chiều dài 10 m và chiều rộng 60 dm là  $60 m^2$ .

e) “Hai mươi ba phần một trăm” là phân số thập phân.

g) Giá trị của chữ số 2 trong số 12 034 là 20 000.

- GV cho HS thảo luận cặp đôi
- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.
- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

###### 2. Hoạt động luyện tập thực hành (60 – 62’)

**a. Hoạt động củng cố lý thuyết**

- GV thống kê hệ thống các đơn vị kiến thức đã học ở **Chủ đề 1** cho HS:
- + Ôn tập số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên.
- + Ôn tập phân số và các phép tính với phân số.
- + Ôn tập hình học và đo lường.
- + Phân số thập phân.
- + Hỗn số.
- GV chuyển sang nội dung làm bài tập.

**b. Hoạt động thực hành, luyện tập**

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).
- + Tiết 1: Hoàn thành phiếu học tập số 1.
- + Tiết 2: Hoàn thành phiếu học tập số 2.

**TIẾT 1**

Lớp:.....

Họ và tên:.....

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1****I. Phần trắc nghiệm***Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.***Câu 1:** Số bé nhất trong các số 152 239; 152 293; 125 293; 125 932 là:

- A. 125 293.
- B. 152 239.
- C. 125 932.
- D. 152 293.

**Câu 2.** Cho các phân số sau  $\frac{18}{10}$ ;  $\frac{32}{500}$ ;  $\frac{99}{100}$ ;  $\frac{51}{1\,000}$ . Có .... phân số thập phân.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

**Câu 3.** Hỗn số  $2\frac{5}{100}$  chuyển thành phân số thập phân là:

- A.  $\frac{7}{100}$ .
- B.  $\frac{207}{100}$ .
- C.  $\frac{250}{100}$ .
- D.  $\frac{205}{100}$ .

**Câu 4:** Chọn đáp án *đúng*.

- A. Phân số “năm phần ba mươi hai” viết là  $\frac{5}{23}$ .
- B. Phân số lớn nhất trong các phân số  $\frac{1}{2}$ ;  $\frac{1}{3}$ ;  $\frac{1}{9}$ ;  $\frac{1}{6}$  là  $\frac{1}{9}$ .
- C.  $\frac{12}{55}$  là phân số nghịch đảo của  $\frac{55}{12}$ .
- D.  $\frac{17}{101}$  đọc là “một trăm linh một phần mười bảy”.

**Câu 5:** Hỗn số  $2\frac{3}{8}$  có phần nguyên là:

- A. 19.
- B. 8.
- C. 3.
- D. 2.

**Câu 6:**  $\frac{1}{15}$  là phân phân số của hỗn số nào dưới đây?

- A.  $\frac{1}{15}$ .



B.  $3\frac{15}{2}$ .

C.  $15\frac{15}{16}$ .

D.  $16\frac{1}{15}$ .

**Câu 7:** Phân số  $\frac{99}{10}$  viết ở dạng hỗn số là:

A.  $3\frac{10}{9}$ .

B.  $3\frac{9}{10}$ .

C.  $9\frac{9}{10}$ .

D.  $9\frac{10}{9}$ .

**Câu 8:** Giá trị của chữ số 1 trong số 312 533 690 là:

A. 10 000 000.

B. 1 000 000.

C. 100 000.

D. 100 000 000.

**Câu 9.** Duy mua một gói bánh giá 42 500 đồng và một hộp ô mai giá 53 000 đồng. Duy đưa cho cô bán hàng 200 000 đồng. Số tiền cô bán hàng phải trả lại cho Duy là:

A. 104 500 đồng.

B. 140 500 đồng.

C. 95 500 đồng.

D. 95 000 đồng.

**Câu 10:** Hai xe tải cùng chở hàng, xe thứ nhất chở được 5 125 kg hàng, xe thứ hai chở được ít hơn xe thứ nhất 129 kg hàng. Cả hai xe chở được:

A. 5 254 kg hàng.

B. 10 250 kg hàng.

C. 10 121 kg hàng.

D. 10 379 kg hàng.

## II. Phần tự luận

**Bài 1.** Tính bằng cách thuận tiện.

a)  $2\,162 \times 63 + 2\,162 \times 37;$

b)  $12\,350 \times 117 - 12\,350 \times 107;$

c)  $\frac{132}{143} \times \frac{13}{25} + \frac{13}{25};$

d)  $\frac{154}{121} : \frac{12}{198} - 1 : \frac{12}{198};$

e)  $2\frac{1}{12} \times \frac{15}{8} - 2\frac{1}{12} \times \frac{9}{56};$

g)  $\frac{17}{10} \times \frac{5}{34} : \frac{1}{4};$

**Bài 2.** Điền hỗn số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 kg 250 g = ... kg;

b) 5 tạ 4 yến = ... tạ;

c) 1 dm 50 mm = ... dm;

d) 12 m 60 cm = ... m;

e) 17 cm 3 mm = ... cm;

g) 5 thế kỉ 25 năm = ... thế kỉ.

**Bài 3.** Nước khoáng thường được đóng chai với dung tích mỗi chai là  $\frac{1}{2}$  lít.

a. Nếu có 250 lít nước khoáng thì đóng được bao nhiêu chai loại đó?

b. Theo khuyến cáo, mỗi người nên uống khoảng 2 lít nước mỗi ngày. Hỏi mỗi người cần uống khoảng bao nhiêu chai nước khoáng loại đó mỗi ngày?

Bài giải

**Bài 4.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 140dm, chiều rộng 100 dm. Biết rằng cứ 7 dm<sup>2</sup> thì trồng được 1 cây hoa hồng. Tính số cây hoa hồng cần trồng trên mảnh đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 5.** Cho phép tính sau:

$$? + \left(\frac{6}{25} + \frac{18}{25}\right) \times \frac{1}{2} = \frac{131}{100} \text{ và } \left(? + \frac{1}{20}\right) \times \frac{1}{2} = \frac{53}{100}$$

- a) Tìm phân số thích hợp điền vào “?”.
- b) So sánh hai phân số vừa tìm được với 1. Viết phân số lớn hơn một về dạng hỗn số.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

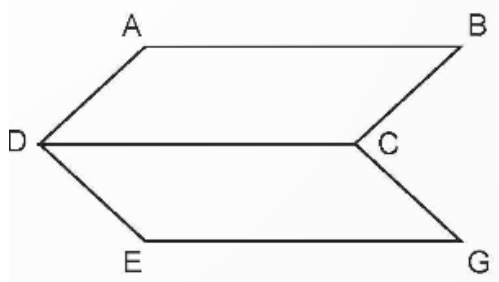
.....

.....

.....

**Bài 6.** Cho hình bình hành  $ABCD$  và  $CDEG$ . Biết độ dài cạnh  $AB$  bằng 4 dm.

- a) Tìm độ dài cạnh  $EG$ .
- b) Kể tên những cạnh song song với cạnh  $CD$ .



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## TIẾT 2

Lớp:.....

Họ và tên:.....

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

#### I. Phần trắc nghiệm

*Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.*

**Câu 1:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

**999, ..., 1 003, ....., 1 007**

A. 1 001 và 1002.

B. 1 001 và 1 005.

C. 1 001 và 1 002.

D. 1 005 và 1 006.

**Câu 2:** Tính giá trị biểu thức  $700\,800 - 12\,300 \times 3$ .

A. 663 000.

B. 336 900.

C. 663 900.

D. 636 900.

**Câu 3:** Kết quả của phép tính  $\left(\frac{95}{99} : \frac{3}{4}\right) \times \frac{297}{380}$  là:

A.  $\frac{3}{4}$ .

B.  $\frac{1}{4}$ .

C.  $\frac{1}{2}$ .

D. 1.

**Câu 4:** Năm nay Linh 8 tuổi, tuổi của Linh bằng  $\frac{1}{2}$  tuổi của anh trai. Số tuổi của anh trai là:

A. 16 tuổi.

B. 15 tuổi.

C. 13 tuổi.

D. 12 tuổi.

**Câu 5:** Kho thứ nhất chứa 123 965 kg thóc, kho thứ hai chứa gấp ba lần số thóc của kho thứ nhất. Kho thứ hai chứa số ki-lô-gam thóc là:

A. 137 895 kg.

B. 731 895 kg.

C. 317 895 kg.

D. 371 895 kg.

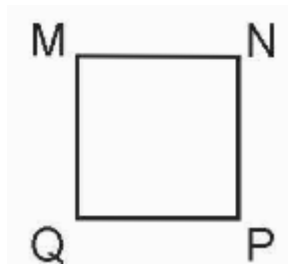
**Câu 6:** Phân số  $\frac{115}{100}$  viết dưới dạng hỗn số là:

- A.  $1\frac{15}{100}$ .
- B.  $1\frac{100}{15}$ .
- C.  $15\frac{1}{100}$ .
- D.  $100\frac{15}{100}$ .

**Câu 7:** Khẳng định nào sau đây là *sai*?

- A. 7 dm 13 mm = 713 mm.
- B. 15 m 25 cm = 40 cm.
- C. 20 tạ 5 yến = 2 050 kg.
- D. 1 giờ 32 phút = 92 phút.

**Câu 8:** Cho hình vuông  $MNPQ$  (hình vẽ)



Khẳng định nào sau đây là *sai*?

- A. Hình vuông  $MNPQ$  có 2 cặp cạnh song song với nhau.
- B. Cạnh  $MN$  vuông góc với cạnh  $QP$ .
- C. Cạnh  $MQ$  song song với cạnh  $NP$ .
- D. Giả sử cạnh  $MN = 5$  dm, khi đó diện tích hình vuông là 2 500 cm<sup>2</sup>.

**Câu 9:** Con mèo cân nặng 2 kg 400 g, con chó nặng hơn con mèo 512 g. Tổng số cân nặng của con mèo và con chó là:

- A. 5 312 kg.
- B. 2 912 kg.

C. 5 312 g

D. 2 912 g.

**Câu 10:** Tim một người khỏe mạnh bình thường mỗi phút đập khoảng 75 lần. Hỏi 20 giây tim đập khoảng mấy lần?

A. 55 lần.

B. 45 lần.

C. 35 lần.

D. 25 lần.

## II. Phần tự luận

**Bài 1.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a)  $9\text{ m} + 15\text{ cm} = \dots\text{ cm};$

b)  $15\text{ dm} + 3\text{ mm} = \dots\text{ mm};$

c)  $112\text{ g} + 2\text{ kg} = \dots\text{ g};$

d)  $3\text{ tạ } 16\text{ kg} - 5\text{ yến} = \dots\text{ kg};$

e)  $12\text{ phút } 48\text{ giây} = \dots\text{ giây};$

g)  $1\text{ thế kỉ } 5\text{ năm} - 80\text{ năm} = \dots\text{ năm}.$

**Bài 2.** Tính giá trị của các biểu thức sau:

a)  $A = \frac{35}{86} + \frac{1}{2} + \frac{9}{43} - 1;$

b)  $B = \frac{141}{120} : \frac{3}{4} - \frac{96}{120} : \frac{3}{4};$

c)  $C = \frac{225}{75} \times \frac{225}{675} - \frac{1}{3} \times \frac{1}{3};$

d)  $D = \frac{144}{156} \times \frac{13}{144} \times 12;$

e)  $E = \frac{2}{176} : \frac{5}{165} : \frac{75}{100}.$

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 3.** Xe tải chở tổng cộng 210 bao đường và bao muối vào kho. Biết rằng số bao đường xe tải chở được là 70 bao. Hỏi số bao muối bằng bao nhiêu phần tổng số bao trong kho.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 4.** Cho các phân số sau:  $\frac{9}{4}; \frac{27}{25}; \frac{3}{2}; \frac{513}{500}$ .

- a) Viết các phân số trên thành phân số thập phân.  
b) Viết các phân số thập phân (câu a) dưới dạng hỗn số.

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 5.** Chú Tân muốn lát kín nền một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài  $\frac{17}{4}$  m, chiều rộng  $\frac{20}{17}$  m. Chú dùng các viên gạch vuông bằng nhau, một loại màu trắng và một loại màu đỏ. Biết rằng để lát 1 m<sup>2</sup> nền nhà cần 20 viên gạch và số gạch màu đỏ nhiều hơn gạch màu trắng 20 viên. Tính số viên gạch màu đỏ chú Tân cần dùng để lát nền căn phòng đó. (Coi diện tích mạch gạch không đáng kể).

Bài giải

.....

.....

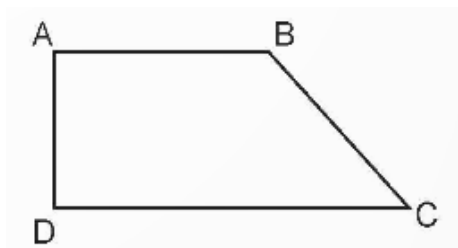
.....



**Bài 6.** Quãng đường từ nhà Mi đến thành phố dài 45 km. Mi đi từ nhà lên thành phố, khi đi được  $\frac{2}{3}$  quãng đường thì dừng lại nghỉ một lúc. Hỏi Mi phải đi tiếp bao nhiêu ki – lô – mét nữa thì đến thành phố?

Bài giải

**Bài 7.** Cho hình sau:



- Nêu tên từng cặp cạnh song song với nhau.
- Nêu tên từng cặp cạnh vuông góc với nhau với nhau.
- Nêu tên các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong hình.

### 3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm ( 1 – 3’)

- GV dặn dò:

- Về nhà hoàn thành phiếu học tập (nếu chưa xong).
- Đọc và xem lại các dạng bài trong buổi học.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

### TOÁN Củng Cố

#### ÔN TẬP SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 13, 14)

##### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập, củng cố cách so sánh hai số thập phân;
- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về so sánh hai số thập phân đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

##### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

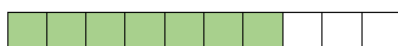
- File bài giảng, phiếu BT.

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

###### 1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*”

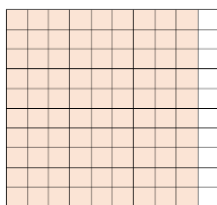
Bài toán: Cho các hình sau:



**Hình 1**



**Hình 2**

**Hình 3**

- a) Viết các số thập phân biểu diễn phần đã tô màu ở mỗi hình.
- b) Sắp xếp các số thập phân vừa tìm được theo thứ tự từ bé đến lớn.
- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

## 2. Hoạt động luyện tập thực hành (60 – 62')

### a. Hoạt động củng cố lý thuyết

- GV nêu câu hỏi:

*Cho các số thập phân sau:*

*19,25; 5,83; 5,035; 10,026*

+ **HS 1:** So sánh hai số thập phân 19,25 và 10,026; 5,83 và 5,035.

+ **HS 2:** Muốn so sánh hai số thập phân, ta làm như thế nào?

+ **HS 3:** Sắp xếp các số thập phân trên theo thứ tự từ lớn đến bé.


- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.
- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

### b. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).

**Bài tập 1:** Cho bảng sau:

Hình a)	Hình b)	Hình c)
---------	---------	---------

 <p>4,9 kg</p>	 <p>1,95 kg</p>	 <p>2,8 kg</p>
---	--	---

a) Con vật nào nặng nhất? Con vật nào nhẹ nhất?

b) Sắp xếp số cân nặng theo thứ tự từ bé đến lớn

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.

- 1 HS lên bảng trình bày lời giải.

- HS nhận xét bài làm trên bảng.

- GV chốt đáp án.

**Bài tập 2:** So sánh hai số thập phân.

a) 15,54 và 13,69;

b) 22,537 và 22,637;

c) 59,231 và 59,213;

d) 24,997 và 24,997;

e) 76,058 và 76,053.

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- GV mời 1 – 2 bạn lên bảng trình bày.

- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 3:** Điền >;<; =

a) 99,99 ... 97,99;      b) 101,13 ...

101,03;

c) 14,3 ... 14,30;      d) 65,125 ...

65,126;

e) 27,8 ... 28,7;      g) 34,987 ...  
34,987.

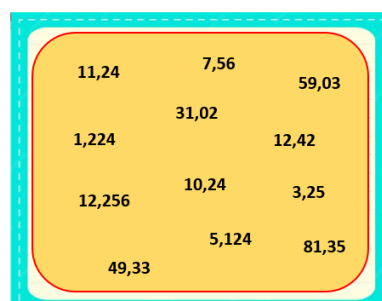
- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 1 HS lên bảng điền đáp án.
- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 4:** Câu nào đúng? Câu nào sai?

	a) Số thập phân 3,437 lớn hơn số thập phân 2,437.
	b) Số thập phân 9,05 bé hơn số thập phân 9,005.
	c) Quả sầu riêng nặng 3,17 kg, quả mít nặng 3,45 kg. Vậy quả mít nặng hơn quả sầu riêng.
	d) Bạn Hùng cao 1,65m, bạn Dũng cao 1,63m và bạn Huy cao 1,75m. Vậy bạn Dũng là người cao nhất
	e) Điểm kiểm tra môn toán của Linh, Hà, Giang lần lượt là 7,5; 6,5 và 8,25. Vậy Linh có điểm toán cao hơn Giang.

- HS làm bài cá nhân.
- 1 HS có đáp án nhanh nhất đứng tại chỗ trình bày, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 5:** Khoanh tròn các số thập phân lớn hơn 12,24.



- HS làm bài cá nhân.
- 1 HS có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 6:** Gạo là thức ăn chính của người dân Việt Nam. Theo viện dinh dưỡng Quốc Gia, trong 100g gạo tẻ có chứa khoảng 75,3 g chất bột đường; 8,1 g chất đạm; 1,3 gam chất béo và nhiều vi chất khác.

a) Trong 100 g gạo tẻ, chất nào có khối lượng cao nhất? Chất nào có khối lượng thấp nhất?

b) So sánh khối lượng của chất đạm và chất béo có trong 100g gạo tẻ.

- HS thảo luận nhóm đôi.

- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 7:** Từ các số 0; 1; 2; 6 và dấu “,”.

a) Có thể lập được bao nhiêu số thập phân có các chữ số khác nhau, trong đó phần nguyên là 6, phần thập phân có 3 chữ số.

b) Sắp xếp các số thập phân vừa tìm được theo thứ tự từ lớn đến bé.

c) Tìm các số thập phân (câu a) bằng 6,12;

Tìm các số thập phân (câu a) bằng 6,21.

- HS thảo luận nhóm đôi.

- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

#### **4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm ( 1 – 3’)**

- GV hướng dẫn HS làm bài vào phiếu, kết hợp chấm chữa bài.

### **PHIẾU HỌC TẬP**

#### **I. Phần trắc nghiệm**

*Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.*

**Câu 1:** Số thập phân bằng 36,03 là:

- A. 36,3.
- B. 36,030.
- C. 36,0030.
- D. 36,003.

**Câu 2:** Trong các số thập phân sau, số thập phân nào lớn hơn 3,14?

- A. 3,04.
- B. 4,13.
- C. 1,34.
- D. 1,43.

**Câu 3:** Số thập phân nào sau đây bé hơn 95,105?

- A. 105,95.
- B. 59,105.
- C. 91,501.
- D. 95,051.

**Câu 4:** Khẳng định nào sau đây là *sai*?

- A.  $14,25 > 14,250$ .
- B.  $66,993 = 66,9930$ .
- C.  $0,555 < 0,6$ .
- D.  $2,152 > 2,125$ .

**Câu 5:** Cho các số thập phân sau:

**22,96; 54,7; 18,03; 22,69; 81,03**

Thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 22,96; 54,7; 18,03; 22,69; 81,03.
- B. 81,03; 54,7; 18,03; 22,69; 22,96.
- C. 18,03; 22,96; 22,69; 81,03; 54,7.
- D. 81,03; 54,7; 22,96; 22,69; 18,03.

**Câu 6:** Tìm khẳng định **đúng**.

- A. Hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.
- B. Hai số thập phân có phần thập phân bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.
- C. Hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- D. Hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số nào có phần thập phân lớn hơn thì lớn hơn.

**Câu 7:** Mỗi bạn thỏ đen, thỏ nâu, thỏ trắng có cân nặng là một trong ba số đo 3,25 kg; 2,95 kg và 3,19 kg. Biết các bạn thỏ ngồi lên cầu thăng bằng như hình vẽ.



Thỏ đen cân nặng là:

- A. 2,95 kg.
- B. 3,25 kg.
- C. 3,19 kg.
- D. 2,59 kg.

**Câu 8:** Cô Ly có một tấm vải, cô dùng 3,55 m để may quần, 2,65 m để may áo, 1,13 m để may khăn và 0,9 m để may túi. Đồ vật nào cần nhiều vải nhất?

- A. Khăn.
- B. Áo
- C. Quần.
- D. Túi.

**Câu 9:** Một cửa hàng hoa quả ngày thứ nhất bán được 12,35 kg ổi, ngày thứ hai bán được 15,23 kg ổi; ngày thứ ba bán được 9,25 kg ổi và ngày thứ tư bán được 10,05 kg ổi. Cửa hàng bán được số ki – lô – gam ổi ít nhất vào ngày:

- A. Thứ nhất.
- B. Thứ hai.



C. Thứ tư.

D. Thứ ba.

**Câu 10:** Từ bốn số 0; 1; 2; 3 có thể lập được bao nhiêu số thập phân có 4 chữ số khác nhau, trong đó phần nguyên là 3.

A. 5.

B. 8.

C. 7.

D. 6.

## II. Phần tự luận

**Bài 1:** So sánh hai số thập phân

- a) 4,785 và 3,785;                      b) 24,518 và 24,52;                      c) 90,051 và 90,105;  
d) 125,8 và 125,79;                      e) 0,8 và 0,80;                      g) 71,010 và 71,01.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2:** Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn

- a) 0,007; 0,070; 1,15; 11,5; 21;03.  
b) 9,653; 9,356; 9,563; 6,593; 6,953.  
c) 0,93;  $\frac{83}{100}$ ;  $\frac{114}{100}$ ; 1,04;  $\frac{9}{10}$ .

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 3:** Điền >;<; =

- a) 73,384 ... 73,385;      b) 85,06 ... 85,060;      c) 1954,32 ... 195,432;
- d)  $\frac{5}{100}$  ... 0,05      e) 13,259 ...  $\frac{13\ 259}{10\ 000}$       g) 97,999 ... 98.

**Bài 4:** Bốn bạn Minh, Hà, Việt, Khang thi chạy trên cùng 1 quãng đường. Biết rằng Minh chạy hết 1,2 phút, Hà chạy hết 3,03 phút, Việt chạy hết 1,15 phút và Khang chạy hết 2,45 phút. Hỏi ai là người về đích đầu tiên, ai là người về đích cuối cùng?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



**Bài 5:** Mẹ và Thảo cùng vào bếp làm bánh. Mẹ dùng 112,5 gam

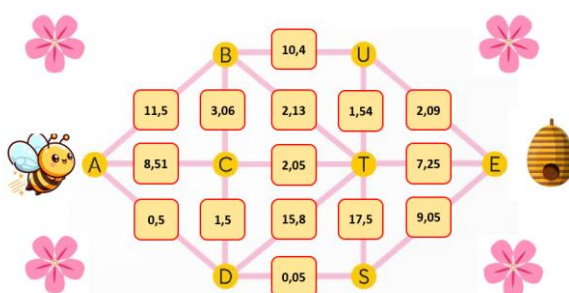
bột mì và 40,3 gam đường; Thảo dùng 100,6 gam bột mì và 45,8 gam đường.

a) Ai là người dùng nhiều bột mì hơn?

b) Ai là người dùng nhiều đường hơn?

### Bài giải

**Bài 6:** Hãy giúp Ong tìm đường về tổ, biết rằng Ong phải đi theo đường đi có các số thập phân lớn hơn 2,1 và nhỏ hơn 9.



## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

### TOÁN CÙNG CỘ

#### ÔN TẬP SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 10)

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập, củng cố cách số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân;
- Ôn tập, củng cố cách viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân;
- Vận dụng kiến thức về cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)**

GV nêu câu hỏi, HS chú ý lắng nghe và giành quyền trả lời. Ai trả lời nhanh nhất, chính xác nhất là người chiến thắng.

+ GV: “Đố bạn, đố bạn”

+ HS: “Đố gì, đố gì?”

+ GV: “ $1\text{ m}^2$   $30\text{ dm}^2$  bằng bao nhiêu mét vuông?”

+ HS: “...”

+ GV: “ $1\text{ kg}$   $350\text{ g}$  bằng bao nhiêu gam?”

+ HS: “...”

.....

- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

**2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)****2.1. Củng cố lí thuyết**

- GV nêu câu hỏi:

**Bài toán:** *Bác Tư có một khu đất, bác đã sử dụng  $15,6\text{ m}^2$  đất để trồng hoa,  $35\text{ m}^2$   $50\text{ dm}^2$  để trồng rau.*

- GV nêu câu hỏi:

+ **HS 1:** *Bác Tư đã dùng bao nhiêu mét vuông đất để trồng rau?*

+ **HS 2:** *Diện tích đất trồng rau ít hơn diện tích đất trồng hoa đúng hay sai?*

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.

- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

**2.2. Luyện tập**

**Bài tập 1:** *Tìm số thập phân thích hợp*

- a)  $8\text{ dm } 4\text{ cm} = \dots\text{ dm}$ ;
- b)  $1\text{ cm } 6\text{ mm} = \dots\text{ mm}$ ;
- c)  $12\text{ tạ } 5\text{ kg} = \dots\text{ tạ}$ ;
- d)  $7\text{ kg } 50\text{ g} = \dots\text{ kg}$ ;
- e)  $16\text{ dm}^2\text{ } 5\text{ cm}^2 = \dots\text{ dm}^2$ ;
- g)  $1\text{ m}^2\text{ } 9\text{ dm}^2 = \dots\text{ m}^2$ .

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.
- 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS 2 câu.
- HS nhận xét bài làm trên bảng.
- GV chốt đáp án.

**Bài tập 2:**

- a) Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đơn là tấn.

25 tạ; 7 tấn 12 yến; 6 kg; 55 yến.

- b) Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét.

36 cm; 15 dm; 4 m 32 cm; 12 m 6 dm.

- c) Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét vuông.

$15\text{ cm}^2$ ;  $2\text{ dm}^2$ ;  $9\text{ m}^2\text{ } 7\text{ dm}^2$ ;  $25\text{ m}^2\text{ } 6\text{ cm}^2$ .

- HS làm bài cá nhân.
- 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 1 câu.
- HS còn lại quan sát, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

**Bài tập 3:** Cho các số đo thể tích sau:

12 l 125 ml; 550 ml; 1 l 13 ml; 6 725 ml.

- a) Viết các số đo thể tích dưới dạng số thập phân với đơn vị đo là lít.

b) Sắp xếp các số đo thể tích vừa tìm được ở câu a) theo thứ tự từ lớn đến bé.

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 2 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.
- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 4:** Câu nào đúng? Câu nào sai?

- a) Trung bình mỗi ngày, một con voi ăn hết 120 kg thức ăn (cỏ, lá cây, ...) tức là mỗi ngày voi ăn hết 1,2 tấn thức ăn.
- b) Con Hà mã nặng 2 tấn 4 tạ tức là nó nặng 2,4 tấn.
- c) Hộp sữa tươi mẹ mua có thể tích 1 500 ml tức là 1,5 lít.
- d) Cây tre cao 33 m 5 cm tức là cây cao 33,5 m.
- e) Diện tích sân trường là  $150\text{ m}^2\ 2\text{ dm}^2$  tức là  $150,002\text{ m}^2$ .

- HS làm bài cá nhân.
- 1 HS trình bày đáp án, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 5:** Ba xe tải cùng chở hàng cho một kho. Xe thứ nhất chở được 2,457 tấn hàng; xe thứ hai chở được 3 tấn 15 kg hàng và xe thứ ba chở được 2 tấn 6 yến hàng. Hỏi xe nào chở được nhiều hàng nhất, xe nào chở được ít hàng nhất?

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

**Bài tập 6:** Để đóng được cái bàn học bằng gỗ, người thợ mộc đã dùng tấm gỗ hình chữ nhật có diện tích  $1\text{ m}^2\ 3\text{ dm}^2$ . Hỏi tấm gỗ hình chữ nhật đó có diện tích bao nhiêu mét vuông?

- HS làm bài cá nhân.

- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

### 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- Trò chơi: Tìm nhà cho thỏ.

*Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.*

**Câu 1:** Viết 24 m 17 cm dưới dạng số thập phân với đơn vị đo là mét, ta được:

- A. 24,17 m.
- B. 24,017 m.
- C. 2,417 m.
- D. 241,7 m.

**Câu 2:** Viết 95 tạ 5 kg dưới dạng số thập phân với đơn vị đo là tạ, ta được:

- A. 95,5 tạ.
- B. 95,05 tạ.
- C. 95,005 tạ.
- D. 95,505 tạ.

**Câu 3:** Hỗn số nào dưới đây biểu diễn số đo diện tích  $14,84 \text{ m}^2$  ?

- A.  $14\frac{84}{100} \text{ m}^2$ .
- B.  $14\frac{84}{10} \text{ m}^2$ .
- C.  $84\frac{14}{10} \text{ m}^2$ .
- D.  $84\frac{14}{100} \text{ m}^2$ .

**Câu 4:** Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

$$18 \text{ m } 81 \text{ mm} = \dots \text{ m.}$$

- A. 18,081 m.
- B. 18,81 m.
- C. 1,881 m.

D. 188,1 m.

**Câu 5:** Độ đo diện tích lớn hơn  $2\text{ m}^2\ 41\text{ dm}^2$  là:

A.  $2,240\text{ m}^2$ .

B.  $2,042\text{ m}^2$ .

C.  $2,420\text{ m}^2$ .

D.  $2,402\text{ m}^2$ .

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

### CÔNG NGHỆ

#### Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (TIẾT 5)

##### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Năng lực công nghệ: Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

##### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

###### 1. Hoạt động Khởi động ( 3 – 5’)

- GV tổ chức cho HS khởi động thông qua trả lời một số câu hỏi sau:

+ Hôm trước các em học bài gì?

+ Chia sẻ hiểu biết của mình về các nhà sáng chế mà em biết?

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

- GV gọi 1 - 2 HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, góp ý.

- GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt vào bài mới.

###### 2. Hoạt động Khám phá và hình thành kiến thức ( 8 – 10’)

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi: quan sát trực thời gian và thực hiện nhiệm vụ tương ứng trong sách vào phiếu.





- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- + Ai là người sáng chế động cơ hơi nước?
- + Ai là người sáng chế ra điện thoại?
- + Ai là người sáng chế bóng đèn sợi đốt?
- + Ai là người sáng chế ô tô?
- **Hãy kể tóm tắt những điều em biết về người đã sáng chế ra các sáng chế đó?**
- GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu thêm về lịch sử sáng chế một số sáng chế như: Máy bay (1906), động cơ điện (1828),...

### 3. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- HS hoạt động nhóm 6 vào giấy A3
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.



- GV nhận xét, tuyên dương

**Kết luận:** Trong lịch sử có một số sáng chế tiêu biểu, góp phần thay đổi xã hội loài người với các sáng chế của họ. Có

thể kể đến như Giêm Oát với động cơ hơi nước (1784), A-lếch-xan-dơ Gra-ham Beo với điện thoại (1876), To-mát Ê-di-xơn với bóng đèn sợi đốt (1879), Các Ben vớ ô tô (1886),...

### 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV giao nhiệm vụ HS về nhà sưu tầm tranh ảnh hoặc tìm trên internet, truyện, sách báo về lịch sử sáng chế ra các sản phẩm công nghệ
- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

**TOÁN TƯ DUY****BÀI TOÁN TÍNH NGƯỢC TỪ CUỐI (TIẾT 9, 10)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Học sinh nắm được dạng toán tính ngược từ cuối. Biết phương pháp giải và vận dụng các phương pháp giải toán đã học để giải các bài toán có liên quan.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Phiếu bài tập, bài giảng Powerpoint.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:****1. Hoạt động Khởi động (5 – 8 phút)**

- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước, sau đó sử dụng trò chơi thử tài giải toán để kiểm tra việc hoàn thành bài tập của HS.
- GV chia lớp thành hai đội để HS thi đấu với nhau.
- Trò chơi gồm 10 câu hỏi, các đội lần lượt trả lời câu hỏi của đội mình. Mỗi câu trả lời đúng giành được 1 điểm.
- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.
- GV tổng kết trò chơi.
- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

**2. Hoạt động Khám phá (8 - 10 phút)**

- Thực hiện các phép tính ngược với các phép toán trong đề bài và thứ tự thực hiện cũng ngược với thứ tự trong đề bài.

**Các ví dụ:**

**Ví dụ 1:** Một người đem bán gạo lần thứ nhất người đó bán được  $\frac{1}{3}$  số gạo mang đi. Lần thứ 2 bán được  $\frac{3}{5}$  số gạo còn lại. Cuối cùng bán nốt 24kg là vừa hết. Hỏi:

- Người đó mang đi bao nhiêu kg gạo?
- Hai lần đầu, mỗi lần người đó bán bao nhiêu kg gạo?

**Phân tích:** Đối với dạng toán này, chúng ta cần chú ý và đặt ra các câu hỏi để tự trả lời. “Tại thời điểm nào?” “Thay đổi như thế nào?” “Còn lại bao nhiêu?”

**Giải:** Số gạo bán lần cuối cùng là 24kg ứng với  $1 - \frac{3}{5} = \frac{2}{5}$  số gạo còn lại sau lần bán

thứ 1.

Vậy số gạo còn lại sau lần bán thứ nhất là:

$$24 : \frac{2}{5} = 60 \text{ (kg)}$$

Số gạo 60kg này ứng với:

$$\square \square \quad 1 - \frac{1}{3} = \frac{2}{3} \text{ (số gạo ban đầu)}$$

Số gạo ban đầu là:

$$60 : \frac{2}{3} = 90 \text{ (kg)}$$

Lần thứ nhất người đó bán:  $\square$

$$90 \times \frac{1}{3} = 30 \text{ (kg)} \square$$

Lần thứ hai người đó bán:

$$90 - 24 - 30 = 36 \text{ (kg)}$$

Đáp số:

a) 90 kg

b) Lần 1: 30 kg; Lần 2: 36 kg

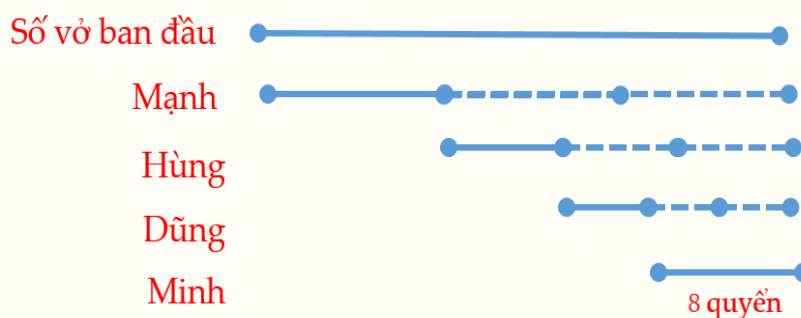
**Ví dụ 2:** Mạnh, Hùng, Dũng, Minh có một số quyển vở. Mạnh lấy  $\frac{1}{3}$  số vở để dùng,

Hùng lấy  $\frac{1}{3}$  số vở còn lại để dùng, tiếp theo Dũng cũng lấy  $\frac{1}{3}$  số vở còn lại. Cuối cùng

Minh dùng nốt 8 quyển. Hỏi lúc đầu cả 4 bạn có bao nhiêu quyển ?

**Theo bài ra ta có sơ đồ:**

Sơ đồ:



Nhìn vào sơ đồ ta có:

Số vở còn lại sau khi Hùng lấy là:  $(8 : 2) \times 3 = 12$  (quyển)

Số vở còn lại sau khi Mạnh lấy là:  $(12 : 2) \times 3 = 18$  (quyển)

Số ban đầu là:  $(18 : 2) \times 3 = 27$  (quyển)

Đáp số: 27 quyển

### 3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (45 – 50')

- GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài.

#### Phiếu bài tập:

**Bài 1.** Một người bán dừa, lần thứ nhất bán  $\frac{1}{4}$  số dừa, lần thứ hai bán  $\frac{1}{2}$  số dừa còn lại. Hỏi người đó mang bán bao nhiêu quả dừa? Biết người đó còn 150 quả dừa chưa bán.

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Bài 2.** Nhà Cúc nuôi được một đàn gà. Lần đầu mẹ Cúc đem bán một nửa số gà, lần thứ hai bán  $\frac{1}{3}$  số gà còn lại và lần thứ ba bán  $\frac{1}{4}$  số gà còn lại sau hai lần bán. Cuối cùng nhà Cúc còn lại 3 đôi gà. Hỏi đàn gà nhà bạn Cúc lúc đầu có bao nhiêu con?

- HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Bài 3.** Một người bán cam, lần thứ nhất người đó bán  $\frac{1}{2}$  số cam và 1 quả. Lần thứ hai người đó bán  $\frac{1}{2}$  số cam còn lại và thêm 1 quả. Lần thứ ba người đó bán  $\frac{1}{2}$  số cam còn lại và 1 quả. Cuối cùng còn lại 10 quả. Hỏi lúc đầu người đó có bao nhiêu quả cam.

- HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Bài 4.** Một quầy bán vải, lần thứ nhất bán 2m, lần thứ hai bán  $\frac{1}{2}$  số mét vải còn lại và  $\frac{1}{2}$  m, lần thứ ba bán  $\frac{1}{2}$  số mét còn lại sau hai lần bán và  $\frac{1}{2}$  m, lần thứ tư bán  $\frac{1}{2}$  số mét còn

lại sau ba lần bán và  $\frac{1}{2}$  m, như vậy là vừa hết. Hỏi quây đó đã bán tất cả bao nhiêu mét vải?

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Hoạt động vận dụng trải nghiệm:** (1 - 2 phút)

**Hoạt động củng cố:**

- GV chốt nội dung bài học.
- Nhận xét kỹ năng làm bài của HS.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

.....

**Ký duyệt của BGH**

**Khối trưởng ký duyệt**

**Người soạn**

**Lê Công Thắng**

**Cao Thị Huê**

**Cao Thị Huê**

